TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 233/2018/HC-PT
Ngày 28 - 6 - 2018
V/v Khiếu kiện Quyết định cưỡng chế thu hồi cơ sở nhà đất.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- ***Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hoàng Thanh Dũng;

Các Thẩm phán: Ông Trương Văn Bình;

Ông Trần Xuân Minh.

- ***Thư ký phiên tòa*:** Bà Hồ Diệu Thúy – Thư ký Toà án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:*** Ông Cao Minh Trí - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 6 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ, Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 581/2017/TLPT - HC ngày 28 tháng 12 năm 2017 về việc "Khiếu kiện Quyết định cưỡng chế thu hồi cơ sở nhà đất".

Do Bản án hành chính sơ thẩm số 18/2017/HC-ST ngày 02 tháng 8 năm 2017 của Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 702/2018/QĐ-PT ngày 28 tháng 5 năm 2018 giữa các đương sự:

- *Người khởi kiện:* Bà Phan Thị Kim H, sinh năm 1956. (có mặt)

Địa chỉ: đường B, phường A, quận N, thành phố Cần Thơ.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Phan Thị Kim H1, sinh năm 1977. (có mặt)

Địa chỉ: đường B, phường A, quận N, thành phố Cần Thơ.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người khởi kiện: Luật sư Phạm Hồng D – Đoàn Luật sư thành phố Cần Thơ. (có mặt)

- *Người bị kiện:* Chủ tịch ban nhân dân quận N, thành phố Cần Thơ (có văn bản xin xét xử vắng mặt)

Địa chỉ: đường số 4, khu dân cư M, phường H, quận N, thành phố Cần

Thơ.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện: Ông Mã Khánh H, sinh năm 1980.

Địa chỉ: đường B, phường X, quận N, thành phố Cần Thơ. (có mặt)

- *Người kháng cáo:* Bà Phan Thị Kim H.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Người khởi kiện bà Phan Thị Kim H trình bày:

Ngày 01/8/1987, mẹ của bà là bà Nguyễn Thị Ph có ký hợp đồng sử dụng nhà và tiện nghi với Hợp tác xã mua bán phường A để thuê 80m^2 đất tại địa chỉ số 04, đường B, phường A, quận N, thành phố Cần Thơ để kinh doanh cửa hàng ăn uống. Trong quá trình sử dụng đất mẹ bà và bà đã bồi đắp cải tạo phần đất này thành diện tích đo đạc là 229m^2, bà có bàn giao lại cho các cơ quan có thẩm quyền phần diện tích 179.30m^2 (gồm 80m^2 đất thuê và một phần đất tự bồi đắp, cải tạo). Phần diện tích còn lại 49.7m^2 (đất do mẹ bà và bà cải tạo bồi đắp). Trên đất bà có xây dựng một căn nhà cấp 04 và sử dụng ổn định từ năm 1991 đến nay.

Ngày 24/6/2010, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Cần Thơ ban hành Quyết định số 1687/QĐ-UBND thu hồi cơ sở nhà, đất của bà. Ngày 04/3/2016, Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận N ban hành Quyết định số 1331/QĐ-UBND cưỡng chế thu hồi cơ sở đất của bà. Nay bà khởi kiện yêu cầu hủy Quyết định số 1331/QĐ-UBND ngày 04/3/2016 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận N.

Người bị kiện Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận N trình bày:

Nguồn gốc nhà đất tại số 04 đường B, phường A, quận N là đất công do Nhà nước quản lý. Khi Nhà nước thu hồi đất, bà Phan Thị Kim H đã được giải quyết chế độ hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất với tổng số tiền 114.697.576 đồng (theo Quyết định số 6093/QĐ-UBND ngày 24/9/2015 và Quyết định số 3441/QĐ-UBND ngày 09/6/2016 của Ủy ban nhân dân quận N) và được vận động, thuyết phục nhưng không chấp hành việc bàn giao đất. Do đó, ngày 04/3/2016, Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận N ban hành Quyết định số 1331/QĐ-UBND cưỡng chế thu hồi đất của bà H là đúng quy định pháp luật.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 18/2017/HC-ST ngày 02 tháng 8 năm 2017, Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ đã quyết định:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 30, khoản 4 Điều 32; khoản 1 Điều 158, điểm a khoản 2 Điều 193 Luật tố tụng hành chính năm 2015; Điều 71 Luật đất đai năm 2013; điểm a khoản 4 Điều 10 Nghị định 137/2006/NĐ-CP; khoản 2 Điều 34 Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án năm 2009.

Tuyên xử:

Bác yêu cầu của người khởi kiện bà Phan Thị Kim H về việc yêu cầu hủy

Quyết định số 1331/QĐ-UBND ngày 04/3/2016 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận N.

Hủy bỏ Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 07/2016/QĐ-BPKCTT ngày 29/11/2016 về việc tạm đình chỉ thi hành Quyết định cưỡng chế số 1331/QĐ-UBND ngày 04/3/2016 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận N khi có bản án, quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo vụ án theo luật định.

Ngày 14/8/2017, người khởi kiện bà Phan Thị Kim H có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người khởi kiện vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo đề nghị sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện, hủy Quyết định số 1331/QĐ-UBND ngày 04/3/2016 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận N.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người khởi kiện cho rằng việc ban hành quyết định thu hồi đất, quyết định cưỡng chế thu hồi đất là không đúng thẩm quyền và trình tự, thủ tục. Nguồn gốc nhà đất bị cưỡng chế là của mẹ bà H, không phải tài sản của nhà nước, gia đình bà H đã trực tiếp sử dụng, ổn định lâu dài, đủ điều kiện được cấp giấy chứng nhận đăng ký quyền sử dụng đất. Đề nghị Hội đồng xét xử sửa bản án sơ thẩm, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà H.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện cho rằng nhà đất bị cưỡng chế thuộc sở hữu nhà nước, UBND quận N đã xem xét bồi thường giá trị vật kiến trúc trên đất, hỗ trợ hợp lý cho bà H. Đề nghị Hội đồng xét xử giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh nêu quan điểm về việc giải quyết vụ án:

- Về tố tụng: Hội đồng xét xử đã tuân thủ các quy định của Luật tố tụng hành chính trong quá trình giải quyết vụ án.

- Về nội dung: Nguồn gốc nhà đất là do mẹ bà H thuê của Hợp tác xã kinh doanh, sau khi Hợp tác xã tan rã, bà H tiếp tục ký hợp đồng thuê với nhà nước. Việc UBND quận N ban hành quyết định thu hồi đất, hỗ trợ khi thu hồi đất là hợp tình, hợp lý. Do bà H không chấp hành nên UBND quận N ra quyết định cưỡng chế thu hồi đất là phù hợp với quy định pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ các tài liệu, chứng cứ đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh tụng, ý kiến của các bên đương sự, của Kiểm sát viên và những người tham gia tố tụng khác, nhận thấy:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Bà Phan Thị Kim H khởi kiện yêu cầu hủy Quyết định số 1331/QĐ-UBND ngày 04/3/2016 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận N (sau đây gọi tắt là Quyết định 1331) về việc cưỡng chế thu hồi cơ sở nhà, đất tại số 04, đường B, phường A, quận N, thành phố Cần Thơ.

Tòa án cấp sơ thẩm xác định đây là khiếu kiện quyết định hành chính và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ theo quy định tại khoản 1 Điều 30 và khoản 4 Điều 32 Luật tố tụng hành chính 2015 là đúng pháp luật.

Người bị kiện Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận N có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt người bị kiện theo khoản 1 Điều 158 Luật tố tụng hành chính 2015.

[2] Về nội dung khởi kiện: Bà Phan Thị Kim H khởi kiện yêu cầu hủy Quyết định số 1331. Hội đồng xét xử xét tính hợp pháp của Quyết định số 1331 như sau:

Về thẩm quyền ban hành: Quyết định số 1331 có nội dung cưỡng chế thu hồi cơ sở nhà đất đối với hộ bà Phan Thị Kim H do Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận N ban hành là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 3 Điều 71 Luật đất đai năm 2013.

Về trình tự, thủ tục ban hành: Trước khi ban hành Quyết định cưỡng chế thực hiện thu hồi đất, Ban thực hiện cưỡng chế đã tiến hành vận động thuyết phục hộ bà Phan Thị Kim H giao đất và nhiều lần ra thông báo yêu cầu bà H bàn giao cơ sở nhà, đất là đúng trình tự thủ tục theo khoản 4 Điều 71 Luật đất đai 2013.

Về nội dung: Quyết định 1331 có nội dung áp dụng biện pháp cưỡng chế thu hồi cơ sở nhà đất đối với hộ bà Phan Thị Kim H.

Xét thấy, nguồn gốc đất tọa lạc tại số 04, đường B, phường A, quận N, thành phố Cần Thơ hiện do hộ bà Phan Thị Kim H sử dụng là do UBND thành phố Cần Thơ (cũ) giao cho UBND phường A để làm cơ sở của Hợp tác xã mua bán phường A.

Đến năm 1987, mẹ bà H là bà Nguyễn Thị Ph có hùn vốn để kinh doanh cửa hàng ăn uống trên phần đất này. Đến năm 1990, khi hợp tác xã giải thể, bà H có thuê lại phần đất này của Ủy ban nhân dân phường A để mua bán từ năm 1991 đến nay.

Việc thuê đất của bà H được thể hiện qua các hợp đồng thuê nhà năm 1995, 1996, các hợp đồng kinh tế vào năm 2009 đến năm 2013 (BL 34 – 68). Đồng thời, bà Phan Thị Kim H cũng thừa nhận có thuê đất của Nhà nước. Mặt khác, phần đất mà bà H đang sử dụng đã được Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận N ban hành Quyết định số 3766/QĐ-UBND ngày 29/9/2009 về việc quản lý đất công trên địa bàn phường A (BL 72).

Bà Phan Thị Kim H cho rằng phần diện tích 49,7m^2 mà gia đình bà đang sử dụng là của bà và mẹ bà là bà Nguyễn Thị Ph cải tạo, bồi đắp sử dụng ổn định từ năm 1991 đến nay, còn phần đất thuê đã bàn giao lại cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền là không có căn cứ, bởi lẽ:

Các hợp đồng thuê nhà năm 1995, 1996, các hợp đồng kinh tế vào năm 2009 đến năm 2013 (BL 34 – 68) đều cơ bản thể hiện nội dung bà Phan Thị Kim H thuê của UBND phường A 01 căn nhà tại số 04, đường B, thành phố Cần Thơ, khi nào phường A cần thiết sử dụng mặt bằng thì bà H phải di dời đi nơi khác không có điều kiện. Mặt khác, đơn xin miễn tiền thuê mặt bằng của bà H (BL 55, 56) cũng thể hiện phần diện tích là 49,7m^2 mà bà H sử dụng là thuê của UBND phường A .Vì vậy, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Cần Thơ ban hành Quyết định số 1687/QĐ-UBND ngày 24/6/2010 thu hồi phần đất mà bà H đang sử dụng là đúng thẩm quyền theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 10 Nghị định 137/2006/NĐ-CP ngày 14/11/2006.

Bà H có thuê nhà đất và sử dụng từ năm 1991 đến nay nên khi Nhà nước thu hồi đất cũng đã hỗ trợ chi phí về nhà, công trình, vật kiến trúc đối với hộ bà H với số tiền 114.697.576 đồng là phù hợp.

Việc bà H yêu cầu được giao đất có thu tiền sử dụng đất là không có cơ sở chấp nhận.

Do không chấp hành Quyết định thu hồi đất số 1687/QĐ-UBND ngày 24/6/2010 nên Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận N ban hành Quyết định số 1331 để cưỡng chế thu hồi cơ sở nhà đất mà hộ bà Phan Thị Kim H đang sử dụng là có căn cứ theo quy định tại Điều 71 Luật đất đai năm 2013.

Tại phiên tòa phúc thẩm người khởi kiện cũng không đưa ra được tình tiết mới nào khác so cấp sơ thẩm nên yêu cầu kháng cáo của người khởi kiện và ý kiến người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người khởi kiện đề nghị hủy Quyết định số 1331/QĐ-UBND ngày 04/3/2016 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận N không được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát đề nghị bác yêu cầu kháng cáo của người khởi kiện là có căn cứ được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Đối với quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 07/QĐ-BPKCTT ngày 29/11/2016 của Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ về việc tạm đình chỉ thi hành Quyết định cưỡng chế số 1331/QĐ-KPHQ ngày 04/3/2016 của Chủ tịch UBND quận N "V/v cưỡng chế thu hồi đất cơ sở nhà đất" sẽ không còn hiệu lực khi có bản án, quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

Về án phí sơ thẩm: Bà Phan Thị Kim H là người cao tuổi, theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12; Điều 48 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì bà H thuộc trường hợp được miễn án phí. Tóa án cấp sơ thẩm buộc bà H phải chịu án phí là chưa đúng,cần sửa án sơ thẩm về phần này cho phù hợp.

Án phí hành chính phúc thẩm: Bà H được miễn án phí hành chính phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật tố tụng hành chính.

Bác kháng cáo của người khởi kiện bà Phan Thị Kim H. Giữ nguyên bản án sơ thẩm số 18/2017/HC-ST ngày 02/8/2017 của Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ.

Căn cứ khoản 1 Điều 30, khoản 4 Điều 32; khoản 1 Điều 158, điểm a khoản 2 Điều 193 Luật tố tụng hành chính năm 2015; Điều 71 Luật đất đai năm 2013, điểm a khoản 4 Điều 10 Nghị định 137/2006/NĐ-CP.

Tuyên xử:

1/ Bác yêu cầu của người khởi kiện bà Phan Thị Kim H về việc yêu cầu hủy Quyết định số 1331/QĐ-UBND ngày 04/3/2016 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận N, thành phố Cần Thơ.

2/ Hủy bỏ Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 07/2016/QĐ-BPKCTT ngày 29/11/2016 về việc tạm đình chỉ thi hành Quyết định cưỡng chế số 1331/QĐ-UBND ngày 04/3/2016 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận N khi có bản án, quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

Căn cứ khoản 2 Điều 241 Bộ luật tố tụng hành chính; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án

Sửa bản án hành chính sơ thẩm số 18/2017/HCST ngày 02 tháng 8 năm 2017 của Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ về phần án phí.

Án phí hành chính sơ thẩm: Người khởi kiện bà Phan Thị Kim H được miễn, hoàn lại cho bà H 200.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 000105 ngày 24/11/2016 tại Cục thi hành án dân sự thành phố Cần Thơ .

Án phí hành chính phúc thẩm: Bà Phan Thị Kim H được miễn, hoàn lại cho bà H 300.000.đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 000342 ngày 17/8/2017 tại Cục Thi hành án dân sự thành phố Cần Thơ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tối cao;
- VKSND cấp cao tại Tp. Hồ Chí Minh;
- TAND thành phố Cần Thơ;
- VKSND thành phố Cần Thơ;
- Cục THADS thành phố Cần Thơ;
- NKK (1);
- NBK (1);
- Lưu VP(3), HS(2).12b. (MSL38)

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Hoàng Thanh Dũng

CÁC THẨM PHÁN **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Xuân Minh **Trương Văn Bình** **Hoàng Thanh Dũng**